

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2019/DS-PT
Ngày: 31 - 5 -2019
“V/v tranh chấp hợp đồng tặng
cho tài sản - quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Châu.

Các Thẩm phán: Ông Trần Hoàng Vũ;
Ông Thái Văn Chấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Phạm Trường San
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2019/TLPT-DS ngày 07 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tặng cho tài sản - quyền sử dụng đất”;

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2018/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:77/2019/QĐ-PT ngày 10 tháng 4 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số:79/2019/QĐ-PT ngày 03 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1999. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Trần Tiến V, sinh năm 1972; Địa chỉ: khóm 6, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (giấy ủy quyền được chứng nhận ngày 28/12/2017 tại Văn phòng Công chứng Long Xuyên, tỉnh An Giang). (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu T (Nguyễn Thiện T), sinh năm 1966. (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh An Giang;

Người đại diện hợp pháp của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T: ông Phạm Tấn H, sinh năm 1988 – Chấp hành viên, là người đại diện theo ủy quyền của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T (giấy ủy quyền ngày 22/8/2018 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện T). (vắng mặt – có đơn xin vắng mặt ngày 20/5/2019).

Địa chỉ: khóm 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang.

3.2 Ông Châu Văn S, sinh năm 1950; (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang.

3.3 Ông Huỳnh Thanh T, sinh năm 1950; (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang.

3.4 Ông Lê Hữu Đ, sinh năm 1962. (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, thị trấn O, huyện T, tỉnh An Giang.

4. Người kháng cáo: nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T do ông Trần Tiến V là người đại diện theo ủy quyền.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T trình bày: Ngày 09 tháng 5 năm 2017 ông Nguyễn Hữu T (Nguyễn Thiện T) và Nguyễn Thị Cẩm T có lập hợp đồng tặng cho tài sản là quyền sử dụng đất cụ thể như sau:

- Hợp đồng số 247, quyền số 05/TP/CC-SCCC/HĐTC ngày 09/5/2017; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0255244 (02071 QSDĐ/eI) do Ủy ban nhân dân huyện Tri Tôn cấp ngày 01/6/1999 và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tri Tôn xác nhận nội dung thay đổi ngày 01/10/2014. Phần đất tọa lạc tại xã Tân Tuyến, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (thửa đất 538, tờ bản đồ số 09; diện tích 9.400 m² ; mục đích sử dụng đất: 2L).

- Hợp đồng số 248, quyền số 05/TP/CC-SCCC/HĐTC ngày 09/5/2017; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S424758 (01085 QSDĐ/eI) do Ủy ban nhân dân huyện Tri Tôn cấp ngày 31/10/2000 và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tri Tôn xác nhận nội dung thay đổi ngày 01/10/2014. Phần đất tọa lạc tại xã Tân Tuyến, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (thửa đất 521, tờ bản đồ số 08; diện tích 6.709 m² ; mục đích sử dụng đất: 2L).

Thực hiện hợp đồng nêu trên bà T đã nộp và đăng ký quyền sử dụng đất đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh huyện Tri Tôn, theo phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ ngày 09/5/2017 nội dung: Nếu có đăng ký cấp đổi thì rút hồ sơ lại xác định vị trí theo công văn của Phòng Tài nguyên và Môi trường.

Ngày 12/10/2017, bà T tiếp tục nộp hồ sơ đăng ký vào Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh huyện Tri Tôn, thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định của pháp luật là 05 ngày theo Giấy nhận hồ sơ và trả kết quả ngày 12/10/2017, mã số hồ sơ (số biên nhận) 010521714479 và phiếu thu ngày 12/10/2017;

Ngày 13/10/2017, Chi cục Thi hành án dân sự huyện T có Quyết định số 48/QĐ-CCTHA ngày 13/10/2017 “Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu” đối với Quyết định số 43/2017/QĐST-DS ngày 06/9/2017 “Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự” của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thì ông Nguyễn Hữu T có trách nhiệm trả cho ông Lê Hữu Đ số tiền 250.000.000 đồng;

Ngày 26/10/2017, Chi cục Thi hành án dân sự huyện T có Quyết định số 01/QĐCCTHA ngày 26/10/2017 “Quyết định cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản”;

Ngày 06/11/2017, bà T có khiếu nại gửi đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, cho rằng việc cơ quan thi hành án tổ chức thi hành án đối với tài sản nêu trên là không đúng, bởi vì, việc chuyển nhượng 02 thửa đất trên là do gia đình bà (ông Châu Văn S) đã trả số tiền 350.000.000 đồng cho Ngân hàng Nông nghiệp Tri Tôn để nhận lại tài sản và chuyển quyền lại cho bà T theo quy định của pháp luật, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ dân sự của ông Nguyễn Hữu T, không vi phạm đạo đức xã hội, việc chuyển nhượng là hoàn toàn phù hợp pháp luật theo Điều 100 Luật đất đai, Nghị định 43/2014/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật đất đai và khoản 1 Điều 24 Nghị định 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 hướng dẫn thi hành Luật thi hành án dân sự. Đối với Quyết định số 43/2017/QĐST-DS ngày 06/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 06/9/2017 là sau ngày có hiệu lực của Hợp đồng tặng cho ngày 09/5/2017.

Ngày 14/11/2017, Chi cục Thi hành án dân sự huyện T có thông báo số 18/TB-CCTHA, thông báo về việc khởi kiện tranh chấp tài sản thi hành án. Nội dung:

- Căn cứ vào đơn khiếu nại Quyết định kê biên, xử lý tài sản của bà Nguyễn Thị Cẩm T;

- Qua xác minh thực tế được biết diện tích đất thuộc thửa 521, tờ bản đồ 08 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S424758 cấp ngày 31/10/200 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0255244, thuộc thửa 538, tờ bản đồ số 09 cấp ngày 01/6/1999 đứng tên ông Nguyễn Hữu T, tọa lạc tại ấp Tân Bình, xã Tân Tuyến, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang;

Đến thời điểm hiện tại ông Nguyễn Hữu T phải thi hành các Quyết định thi hành án sau:

1. Quyết định thi hành án số 48/QĐ-CCTHA ngày 13/10/2017 của Chi cục Trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh An Giang thì ông Nguyễn Hữu T phải trả cho ông Huỳnh Thanh T số tiền 160.000.000 đồng và 11 lượng vàng 9999;

2. Quyết định thi hành án số 90/QĐ-CCTHA ngày 03/11/2017 của Chi cục Trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh An Giang thì ông Nguyễn Hữu T phải trả cho ông Lê Hữu Đ số tiền 250.000.000 đồng.

- Căn cứ vào kết quả xác minh trên nên Chấp hành viên đã ban hành Quyết định cưỡng chế kê biên tài sản số 01/QĐ-CCTHA ngày 26/10/2017 để kê biên toàn bộ tài sản diện tích đất thuộc các giấy chứng nhận sau: Diện tích đất thuộc thửa 521, tờ bản đồ 08 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S424758 cấp ngày 31/10/2000 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0255244, thuộc thửa 538, tờ bản đồ số 09 cấp ngày 01/6/1999.

Nay Chấp hành viên thông báo cho ông, bà có tên trên trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được thông báo này. Các ông, bà có tranh chấp tài sản trên được quyền khởi kiện tại Tòa án hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Bởi các lẽ trên, bà T yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết chấp nhận yêu cầu như sau: Công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 247 và 248 ngày 09/5/2017 giữa bà với ông Nguyễn Hữu T. Hiện nay bà T đang quản lý sử dụng đất. Yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền tạm ứng chi phí tố tụng (chi phí đo đạc) 2.041.000 đồng (hóa đơn giá trị gia tăng ngày 20/7/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh huyện Tri Tôn) theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu T (Nguyễn Thiện T) trình bày: Ngày 13/4/2017 ông Châu Văn S (là cha vợ) có cho Cẩm T số tiền 347.613.750 đồng để tất toán khoản nợ vay Ngân hàng Nông nghiệp Tri Tôn để nhận lại hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 09/5/2017, ông có lập hợp đồng tặng cho toàn bộ diện tích đất trên tại xã Tân Tuyến, huyện Tri Tôn cho Nguyễn Thị Cẩm T (là con ruột), hai bên có lập hợp đồng số 247 và 248 cùng ngày 09/5/2017 và có công chứng tại Văn phòng công chứng Tri Tôn. Đất ông đã giao cho bà T quản lý sử dụng ổn định. Nay yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Đại diện Chi cục Thi hành án huyện T ông Phạm Tấn H trình bày: Chi Cục Thi hành án huyện T thụ lý hồ sơ thi hành án theo yêu cầu đối với hai quyết định số 43 và 44 ngày 06/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn đối với người phải thi hành án là ông Nguyễn Hữu T. Quá trình tổ chức thi hành thì xác minh ông T có hai quyền sử dụng đất và đang làm hồ sơ chuyển quyền cho con là Nguyễn Thị Cẩm T, nên Chi Cục Thi hành án tiến hành thủ tục ra quyết định kê biên để đảm bảo thi hành án. Việc kê biên quyền sử dụng đất đối với ông T là căn cứ vào khoản 1 Điều 24 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự”. Từ đó quan điểm của Chi cục Thi hành án vẫn tiếp tục giữ nguyên quyết định kê biên xử lý tài sản để thi hành hai quyết định của Tòa án huyện Tri Tôn số 43 và 44 ngày 06/9/2017, yêu cầu không công nhận hai hợp

đồng tặng cho tài sản là quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị Cẩm T.

- Ông Huỳnh Thanh T trình bày: Trước đây ông T có hứa là sẽ bán đất để trả khoản nợ cho ông và ông Đ, nhưng sau này ông lại làm hợp đồng tặng cho tài sản cho con ruột là bà T, chứng tỏ ông T đã có ý đồ tẩu tán tài sản, để trốn tránh việc thi hành án. Do vậy ông yêu cầu Chi cục thi hành án huyện Tri Tôn duy trì việc kê biên tài sản của ông T để xử lý thi hành án.

- Đại diện theo ủy quyền của ông Lê Hữu Đ, bà Phan Thị N và ông Lê Hữu Đ cùng trình bày: Quyết định thi hành án số 90/QĐ-CCTHA ngày 03/11/2017 của Chi cục Trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh An Giang thì ông Nguyễn Hữu T phải trả cho ông Lê Hữu Đ số tiền 250.000.000 đồng, ông T chưa thi hành xong quyết định lại làm hợp đồng tặng cho tài sản cho con ruột là có ý tẩu tán tài sản, trốn tránh việc thi hành án. Do vậy cũng đề nghị Chi cục Thi hành án huyện T duy trì kê biên tài sản của ông T để xử lý thi hành án.

- Ông Châu Văn S trình bày: trước đây ông Nguyễn Hữu T có thể chấp hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền Ngân hàng Nông nghiệp huyện tri Tôn, đến hạn ông T không có tiền trả nên ông có cho T (là cháu) số tiền 350.000.000 đồng để T trả Ngân hàng lấy giấy chứng nhận QSDĐ về, sau đó T làm hợp đồng tặng cho số đất đó cho T. Về số tiền ông cho T, ông không có yêu cầu gì.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2018/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm T đối với ông Nguyễn Hữu T (Nguyễn Thiện T).

Tuyên bố các hợp đồng tặng cho tài sản – quyền sử dụng đất gồm:

- Hợp đồng số 247, quyền số 05/TP/CC-SCCC/HĐTC ngày 09/5/2017; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0255244 (02071QSDĐ/eI) do Ủy ban nhân dân huyện Tri Tôn cấp ngày 01/6/1999 và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tri Tôn xác nhận nội dung thay đổi ngày 01/10/2014. Phần đất tọa lạc tại xã Tân Tuyên, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (thửa đất 538, tờ bản đồ số 09; diện tích 9.400 m²; mục đích sử dụng đất: 2L);

- Hợp đồng số 248, quyền số 05/TP/CC-SCCC/HĐTC ngày 09/5/2017; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S424758 (01085 QSDĐ/eI) do Ủy ban nhân dân huyện Tri Tôn cấp ngày 31/10/2000 và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tri Tôn xác nhận nội dung thay đổi ngày 01/10/2014. Phần đất tọa lạc tại xã Tân Tuyên, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (thửa đất 521, tờ bản đồ số 08; diện tích 6.709 m²; mục đích sử dụng đất: 2L).

Giữa ông Nguyễn Hữu T (Nguyễn Thiện T) với bà Nguyễn Thị Cẩm T là vô hiệu;

Bà Nguyễn Thị Cẩm T phải trả lại cho ông Nguyễn Hữu T (Nguyễn Thiện T) diện tích đất gồm: số thửa 538, tờ bản đồ số 09 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02071/el, cấp ngày 01/6/1999 cho ông Nguyễn Hữu T diện tích 9.400 m² (đo thực tế 10.100 m²); số thửa 521, tờ bản đồ số 08, thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01085/el cấp ngày 31/10/2000 cho ông Nguyễn Hữu T diện tích 6.709 m² (đo thực tế 5.760 m²).

Đính kèm bản trích đo địa chính ngày 14/5/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh huyện Tri Tôn.

Chi phí tố tụng (đo đạc): Bà Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu 2.041.000 đồng, theo hóa đơn giá trị gia tăng ngày 20/7/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh huyện Tri Tôn (bà T đã tạm ứng nộp nên đã thi hành xong).

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 12.081.000 đồng (mười hai triệu, không trăm tám mươi một ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2015/0018346 ngày 01 tháng 02 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, nên bà T được hoàn lại 11.781.000 đồng (mười một triệu, bảy trăm tám mươi một nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần quyền kháng cáo; quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 20/11/2018, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T do ông Trần Tiến V đại diện ủy quyền kháng cáo xin xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông Trần Tiến V - người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, có ý kiến: yêu cầu chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công nhận hai hợp đồng tặng cho tài sản là quyền sử dụng đất số 247 và số 248 giữa ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị Cẩm T cùng ngày 09/5/2017. Việc chuyển quyền đã xong vì đã lập hợp đồng có công chứng chứng thực và nộp hồ sơ ở Bộ phận một cửa Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Tri Tôn, nên việc vào sổ địa chính là trách nhiệm của Văn phòng đăng ký đất đai.

Ông Nguyễn Hữu T có ý kiến: thời điểm ông lập 02 hợp đồng tặng cho tài sản 02 quyền sử dụng đất cho con gái ông là Nguyễn Thị Cẩm T, ông không còn tài sản nào khác và ông vẫn còn nợ tiền của ông Đạo và ông Tùng như quyết định của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn giải quyết. Nay đối với yêu cầu của bà T, ông yêu cầu xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Ông Lê Hữu Đ và ông Huỳnh Thanh T có ý kiến: Việc ông T nợ tiền của hai ông từ trước năm 2017 và vẫn không trả, nhưng lại chuyển nhượng tặng cho

con gái tài sản là trốn tránh trách nhiệm trả nợ cho hai ông. Nên nay hai ông yêu cầu xem xét giải quyết theo quy định pháp luật đối với yêu cầu của nguyên đơn, để đảm bảo quyền lợi cho hai ông.

Ông Châu Văn S có ý kiến: ông có bỏ ra số tiền 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng) cho Cẩm T (cháu ngoại ông) để đưa cho ông T (con rể ông) trả nợ Ngân hàng lấy lại tài sản đã thế chấp và lập hợp đồng tặng cho tài sản cho Cẩm T với mục đích giữ lại tài sản. Nay về cơ sở pháp lý ông không có gì để chứng minh là tài sản của ông, nên ông yêu cầu giải quyết yêu cầu của nguyên đơn theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án: Về thủ tục tố tụng, kháng cáo của bà Nguyễn Thị Cẩm T do ông Trần Tiến V đại diện theo ủy quyền là phù hợp pháp luật; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật về tố tụng. Về nội dung giải quyết vụ án: Hợp đồng tặng cho tài sản quyền sử dụng đất giữa bà T và ông T là vô hiệu nên cấp sơ thẩm tuyên vô hiệu là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T do ông Vinh đại diện ủy quyền, giữ y bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện T do ông Phạm Tấn H làm người đại diện theo ủy quyền đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 20/5/2019. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T do ông Trần Tiến V đại diện ủy quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T do ông Trần Tiến V đại diện theo ủy quyền, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Vào ngày 09/5/2017 giữa ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị Cẩm T có lập hai hợp đồng tặng cho tài sản là quyền sử dụng đất số 247 và 248, theo đó ông T tặng cho con ruột là bà T quyền sử dụng đất nông nghiệp (2L) tọa lạc tại xã Tân Tuyến, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, cụ thể diện tích 6.709m² thuộc thửa 521, tờ bản đồ 08 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 424758, vào sổ cấp GCN QSDĐ số 01085 QSDĐ/eI cấp ngày 31/10/2000 và diện tích

9.400m² thuộc thửa 538, tờ bản đồ số 09, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 255244, vào sổ cấp GCN QSDĐ số 02071 QSDĐ/eI cấp ngày 01/6/1999, đều do UBND huyện Tri Tôn cấp cho ông Nguyễn Hữu T đứng tên và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tri Tôn xác nhận nội dung thay đổi ngày 01/10/2014. Mặc dù 02 hợp đồng nêu trên đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Tri Tôn; ông T có đến Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Tri Tôn để làm thủ tục chuyển quyền cùng ngày 09/5/2017 và được Văn phòng hướng dẫn cho ông T liên hệ xã Tân Tuyến để xác định lại vị trí (phiếu hướng dẫn ngày 09/5/2017) mục đích yêu cầu hoàn thiện hồ sơ. Đến ngày 12/10/2017, thì bà T, ông T mới tiếp tục nộp hồ sơ để làm thủ tục chuyển quyền đăng ký tại Bộ phận một cửa của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Tri Tôn. Tại thời điểm này, thì Quyết định công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự số 43 và số 44 cùng ngày 06/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn có hiệu lực pháp luật (theo đó ông T phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông Huỳnh Thanh T số tiền 160.000.000 đồng và 11 lượng vàng 24K 9999, và trả cho ông Lê Hữu Đ số tiền 250.000.000 đồng) và việc chuyển nhượng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông T và bà T chưa hoàn thành (chưa hoàn tất việc chuyển quyền sử dụng đất sang cho bà T đứng tên). Do đó, cơ quan thi hành án dân sự huyện Tri Tôn ra Quyết định số 01/QĐ - CC THA ngày 26/10/2017 về việc cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản đối với hai diện tích đất nêu trên để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ phải thi hành án của ông T là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 46 Luật thi hành án dân sự và khoản 1 Điều 24 Nghị định số 62/2015/NĐ - CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ về “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật thi hành án dân sự”. Vì qua xác minh thông tin tài sản để thi hành án ông T chỉ còn diện tích đất nêu trên để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án, ông T không dùng tài sản này để đảm bảo thi hành án mà lại làm hợp đồng tặng cho con ruột là Nguyễn Thị Cẩm T, chứng tỏ ông T đã cố tình trốn tránh nghĩa vụ thi hành án với người thứ ba.

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Vinh kháng cáo cho rằng hai hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà T và ông T đã hoàn tất thủ tục đã được đăng ký vào sổ địa chính khi nộp lại hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất tại Bộ phận một cửa ngày 12/10/2017, vì trách nhiệm vào sổ địa chính là của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Tri Tôn. Tuy nhiên, căn cứ vào công văn số 542/CNTT ngày 31/01/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Tri Tôn gửi cho Tòa án nhân dân tỉnh An Giang có nội dung: có tiếp nhận hồ sơ tặng cho quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Hữu T (tặng cho bà Nguyễn Thị Cẩm T), nhưng trong quá trình kiểm tra xác định thông tin thửa đất trên cơ sở dữ liệu của ngành xác định được thửa đất tặng cho đã bị cơ quan thi hành án dân sự huyện Tri Tôn ngăn chặn ngày 26/10/2017; và do hồ sơ không đủ điều kiện để thực hiện nên hồ sơ tặng cho trên không có đăng ký, cập nhật vào sổ địa chính, cơ sở dữ liệu ngành.

Từ những tình tiết, nhận định sự việc nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: án sơ thẩm đã đánh giá chứng cứ và xác định hai hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 247 và 248 ngày 09/5/2017 giữa ông Nguyễn Hữu T với bà Nguyễn Thị Cẩm T là giả tạo nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ đối với ông Đ và ông T nên bị vô hiệu là có căn cứ, phù hợp khoản 3 Điều 188 Luật đất đai, khoản 2 Điều 129, Điều 459, Điều 500, Điều 502 và Điều 503 Bộ luật dân sự 2015. Vì thời điểm lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ông T vẫn biết phải có trách nhiệm trả nợ cho nhiều người khác và không còn tài sản nào khác, mà vẫn lập hợp đồng tặng cho tài sản cho con là bà Cẩm T. Đồng thời, việc tặng cho quyền sử dụng đất phải đăng ký tại cơ quan đăng ký đất đai và có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký vào sổ địa chính.

Đối với chi phí tố tụng và án phí sơ thẩm: do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận, nên cấp sơ thẩm buộc bà T phải chịu số tiền 2.041.000đ (hai triệu, không trăm bốn mươi một nghìn đồng) chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Từ những nhận định trên, kháng cáo của nguyên đơn do ông Trần Tiến V đại diện theo ủy quyền kháng cáo toàn bộ bản án là không có cơ sở để chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà T phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Cẩm T do ông Trần Tiến V đại diện ủy quyền;

- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 40/2018/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

Tuyên xử:

Căn cứ vào các Điều 166, 167, 168, 188, 203 của Luật đất đai 2013;

Căn cứ vào Điều 124, 131, 407, 459, 500, 502, 503 Bộ luật dân sự 2015.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm T đối với ông Nguyễn Hữu T (Nguyễn Thiện T).

Tuyên bố các hợp đồng tặng cho tài sản – quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Hữu T (Nguyễn Thiện T) với bà Nguyễn Thị Cẩm T gồm: Hợp đồng số 247, quyền số 05/TP/CC-SCCC/HĐTC ngày 09/5/2017; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0255244 (02071 QSDĐ/eI) do Ủy ban nhân dân huyện Tri Tôn cấp ngày 01/6/1999 và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tri Tôn xác nhận nội dung thay đổi ngày 01/10/2014. Phần đất tọa lạc tại xã Tân Tuyến, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (thửa đất 538, tờ bản đồ số 09; diện tích 9.400m²; mục đích sử dụng đất: 2L); và Hợp đồng số 248, quyền số 05/TP/CC-SCCC/HĐTC ngày 09/5/2017; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S424758 (01085 QSDĐ/eI) do Ủy ban nhân dân huyện Tri Tôn cấp ngày 31/10/2000 và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tri Tôn xác nhận nội dung thay đổi ngày 01/10/2014. Phần đất tọa lạc tại xã Tân Tuyến, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (thửa đất 521, tờ bản đồ số 08; diện tích 6.709m²; mục đích sử dụng đất: 2L) là vô hiệu;

Bà Nguyễn Thị Cẩm T phải trả lại cho ông Nguyễn Hữu T (Nguyễn Thiện T) diện tích đất gồm: số thửa 538, tờ bản đồ số 09 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02071/eI, cấp ngày 01/6/1999 cho ông Nguyễn Hữu T diện tích 9.400 m² (đo thực tế 10.100m²); số thửa 521, tờ bản đồ số 08, thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01085/eI cấp ngày 31/10/2000 cho ông Nguyễn Hữu T diện tích 6.709m² (đo thực tế 5.760m²).

Đính kèm bản trích đo địa chính ngày 14/5/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh huyện Tri Tôn.

2. Chi phí tố tụng (đo đạc): Bà Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu 2.041.000đ (hai triệu, không trăm bốn mươi một nghìn đồng), theo hóa đơn giá trị gia tăng ngày 20/7/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh huyện Tri Tôn (bà T đã tạm ứng nộp nên đã thi hành xong).

3. Về án phí:

3.1 Án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 12.081.000đ (mười hai triệu, không trăm tám mươi một nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2015/0018346 ngày 01 tháng 02 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, nên bà T được hoàn lại 11.781.000đ (mười một triệu, bảy trăm tám mươi một nghìn đồng).

3.2 Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0001855 ngày 20/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh An Giang.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện Tri Tôn;
- Chi cục THA-DS huyện Tri Tôn;
- Phòng KTNV& THA;
- Tòa Dân sự;
- Văn phòng;
- Đường sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Minh Châu
